

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn T1 o Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T; nơi cư trú: Thôn TH, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Bùi Thị T1 ; nơi cư trú: Thôn TH, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T1 o đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh và chị Bùi Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 23-01-2014. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra xô xát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ

năm 2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị T1 .

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị T1 không có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị T1 xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh Nguyễn Duy T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được thời gian rất ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính nhau, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, bất hòa. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, tuy nhiên anh T xin ly hôn chị không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân T1 o pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia các phiên họp, phiên hòa giải T1 o quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án như không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Bùi Thị T1 . Về con chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm T1 o quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Bùi Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn TH, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị T1 vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 23-01-2014, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh Nguyễn Duy T nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị T1 . Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 xác nhận tình nghĩa vợ chồng không còn, tuy nhiên chị T1 không đồng ý ly hôn với anh T . Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Nguyễn Duy T xin ly hôn với chị Bùi Thị T1 phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 không có con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Duy T được ly hôn với chị Bùi Thị T1 .
2. Về con chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Bùi Thị T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB T1 o biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008154 ngày 11-5-2020. Anh Nguyễn Duy T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

